

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HSST

Ngày 29 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sùng Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Độ

2. Bà Khuất Thị Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Phùng Ngọc Minh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử hình sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/HSST ngày 14/9/2020 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 20 đối với các bị cáo sau:

**1/ Thuận Văn T;** Sinh ngày 01/ 01/1997; tại huyện M, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thuận Văn Ch - sinh năm: 1973; Con bà: Ma Thị Th - sinh năm: 1971; vợ con chưa có; DCB số 079 ngày 6 tháng 7 năm 2020 lập tại công an thành phố H; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/ 7 /2020 tại xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; *Có mặt tại phiên tòa.*

**2/ Hoàng Văn Q;** sinh ngày 27 / 6 / 1995; tại huyện M, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn Ng - sinh năm: 1966; Con bà: Sầm Thị X - sinh năm: 1974; vợ con chưa có; DCB số 080 ngày 6 tháng 7 năm 2020 lập tại công an thành phố H; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/ 7 /2020 tại xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; *Có mặt tại phiên tòa.*

\* Người bị hại: Ông Mai Văn D - sinh năm 1993; Trú tại: Thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. *Vắng mặt có lý do.*

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H - Sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ 05, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. *Vắng mặt có lý do.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 01/7/2020, Thuận Văn T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản, nên đã rủ Hoàng Văn Q đi trộm cắp tài sản. T nói với Q *“tôi nay đi sang nhà D xem nếu không khóa cửa xem có gì lấy được thì lấy”*, ý là rủ Q sang phòng thuê trọ của anh Mai Văn D để trộm cắp tài sản, Q đồng ý. Đến khoảng 02 giờ 00 ngày 02/7/2020, T và Q đi bộ từ phòng trọ của mình sang đến khu trọ của anh D mục đích để đi trộm cắp tài sản, khi đến nơi T và Q quan sát thấy cổng dãy trọ của bà Hải khép hờ không khóa, T dùng tay đẩy cổng đi vào trước, Q theo sau đi thẳng đến phòng trọ của D *(là phòng thứ 4 tính từ cổng vào)*, T và Q quan sát thấy phòng trọ của D mở cửa, không bật điện, D đang ngủ trên giường, T nhẹ nhàng đi vào trong phòng, Q nấp ngoài cửa đợi, mục đích T vào xem có tài sản gì lấy trộm được thì lấy, T quan sát thấy trong phòng có 02 chiếc giường, trên đầu giường D đang ngủ cách cửa chính 2,8 mét có 01 (một) chiếc điện thoại OPPO F7, màu xám đang cắm sạc và trên giường cách cửa chính 1,5 mét có 01 (một) chiếc điện thoại OPPO A5S, màu đen cũng đang cắm sạc. T tiến đến chiếc giường D đang nằm ngủ, dùng tay trái rút sạc, tay phải cầm điện thoại OPPO F7, màu xám cho vào túi quần rồi đi ra ngoài cửa phòng và nói với Q *“tao lấy được một cái điện thoại rồi còn một cái trong phòng chưa lấy được”*, Q nói *“để tao vào lấy cho”*, Q đi vào trong phòng, T chờ ngoài cửa, Q đi đến vị trí chiếc giường cách cửa 1,5 mét, dùng tay trái rút sạc, tay phải cầm điện thoại OPPO A5S, màu đen đưa ra cửa cho T cầm rồi đi ra cửa. Sau khi lấy trộm được 02 chiếc điện thoại, T và Q đi bộ về phòng trọ tại tổ 14, phường M, thành phố H, T tháo 04 chiếc sim trong 02 điện thoại ra sau đó cả hai đi ngủ. Đến khoảng 08 giờ ngày 02/7/2020, T dậy nói với Q *“Đằng nào cũng hết tiền rồi, mang một máy điện thoại đi cầm lấy tiền tiêu, mày có chứng minh thư mày cầm đi”*, Q trả lời *“ừ để tao cầm cho”*. Sau đó, T và Q cầm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A5S, màu đen ra hiệu cầm đồ Kh *(là cơ sở kinh doanh của bà Trần Thị H SN 1981 và ông Nguyễn Hữu Kh, SN 1976, tại tổ 15, phường M, thành phố H)* mục đích cầm cố tài sản lấy tiền tiêu xài. Khi đến nơi, Q một mình vào gặp bà H, T đứng ở ngoài chờ, Q nói với bà H chiếc điện thoại trên là của Q, do cần tiền nên đi cầm cố, bà H đồng ý cho cầm cố 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* và lập hợp đồng cầm cố tài sản với Q. Sau khi nhận tiền, Q và T thống nhất chia nhau mỗi người 500.000 nghìn đồng *(năm trăm nghìn đồng)*, sau đó T và Q đã sử dụng số tiền trên vào chi tiêu cá nhân hết, còn 01 (một) chiếc điện thoại OPPO F7, màu xám và 04 sim viettel để tại phòng trọ tổ 14, phường M, thành phố H.

Ngày 02/7/2020, Cơ quan CSĐT tiếp nhận tin báo của anh Mai Văn D về việc bị trộm cắp tài sản 02 chiếc điện thoại và nghi vấn cho 02 đối tượng thực hiện

hành vi trộm cắp là Thuận Văn T và Hoàng Văn Q. Cơ quan điều tra đã mời T và Q đến để làm việc, trước Cơ quan điều tra T và Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT đã truy thu 01 (một) chiếc điện thoại OPPO F7, màu xám và 04 sim viettel tại phòng trọ của T và Q tại tổ 14, phường M, thành phố H.

Ngày 17/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã tiến hành thực nghiệm điều tra yêu cầu các bị can diễn tả lại hành vi trộm cắp tài sản: Kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của các bị can và các tài liệu chứng minh có trong hồ sơ vụ án

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 38/KL-HĐĐGTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản Thành phố H, kết luận: Tổng giá trị tài sản thực tế là 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đen, dung lượng 32GB màn hình cảm ứng (*đã qua sử dụng*) có giá trị 2.000.000 đồng; 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7, màu bạc, dung lượng 64GB, màn hình cảm ứng (*đã qua sử dụng*) có giá trị 2.100.000 đồng, 04 chiếc sim viettel điện thoại di động (*đã qua sử dụng*) có giá trị 400.000 đồng (BL 112-114).

Tài sản bị cáo Thuận Văn T và Hoàng Văn Q trộm cắp theo bản kết luận số: 38/KL-HĐĐGTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản Thành phố H, tỉnh Hà Giang, tổng giá trị tài sản thực tế là 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*)

\* *Vật chứng vụ án*: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thu giữ vật chứng và trả lại cho anh Mai Văn D quản lý, sử dụng theo Q định xử lý vật chứng số: 19/QĐ - CSĐT ngày 20 tháng 7 năm 2020; 01(một)chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đen, dung lượng 32GB màn hình cảm ứng (*đã qua sử dụng*); 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7, màu bạc, dung lượng 64GB, màn hình cảm ứng (*đã qua sử dụng*), 04 sim viettel điện thoại di động (*đã qua sử dụng*). Sau khi nhận lại tài sản anh D không có ý kiến gì.

- Số vật chứng đã thu giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án, gồm: 01 (Một) hợp đồng cầm cố tài sản ghi 02/7/2020 tại cửa hàng cầm đồ K thuộc tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, người cầm cố tài sản Hoàng Văn Q (*bản gốc*).

\* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo, bị hại D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự.

Bản Cáo trạng số: 31/CT-VKSTPHG ngày 08/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Thuận Văn T, Hoàng Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa, bị cáo Thuận Văn T, Hoàng Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: các bị cáo Thuận Văn T, Hoàng Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.  
- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thuận Văn T từ 7 (Bảy) tháng đến 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo T vào trại chấp hành án.

Bị cáo: Hoàng Văn Q từ 6 (Sáu) tháng đến 9 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo Q vào trại chấp hành án.

- Trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu giải Q.

- Án phí: Bị cáo T, Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ.**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Thuận Văn T, Hoàng Văn Q tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo Trạng của VKS đã nêu, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận khoảng 2 giờ ngày 02/7/2020 tại tổ 04, phường M, thành phố H, Thuận Văn T và Hoàng Văn Q đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 chiếc điện thoại của anh Mai Văn D trị giá 4.500.000đ(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến Dưới 50.000.000 đồng hoặc Dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm:*

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo với tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T, Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Quá trình điều tra 01 chiếc điện thoại được trả lại cho Mai Văn D và người có QLNVLQ bà H không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự, bị hại Mai Văn D cũng đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T, Q có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt vì là người dân tộc, sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế quá khó khăn, nghề nghiệp và mức thu nhập chủ yếu là làm ruộng, bản thân T và Q phải đi làm thuê để có tiền phụ giúp gia đình bố mẹ, gia đình T bố ốm đau bệnh hiểm nghèo, gia đình Q có mẹ thường xuyên ốm đau, gia đình thiếu người lao động kinh tế gia đình quá khó khăn không có tiền chữa bệnh, T nảy sinh ý định trộm cắp 02 chiếc điện thoại của D trị giá 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS là phù hợp với các quy định của pháp luật. Xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại đã nhận tài sản, người có QLNVLQ không yêu cầu giải Q. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

[3] Về xử lý vật chứng: 01 (Một) hợp đồng cầm cố tài sản ghi 02/7/2020 tại cửa hàng cầm đồ K thuộc tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, người cầm cố tài sản Hoàng Văn Q (*bản gốc*), các bị cáo không có yêu cầu nhận lại, tuyên tiêu hủy.

[4] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo T, Q phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 ; khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

\* Tuyên bố: Các bị cáo Thuận Văn T và Hoàng Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

\* Hình phạt: Xử phạt bị cáo Thuận Văn T 7 (*Bảy*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T vào trại chấp hành án. Bị cáo Hoàng Văn Q 6 (*Sáu*) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Q vào trại chấp hành án.

\* Về tang vật vụ án: Tuyên tiêu hủy 01(Một) hợp đồng cầm cố tài sản ghi 02/7/2020 tại cửa hàng cầm đồ Khương Khôi thuộc tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, người cầm cố tài sản Hoàng Văn Q (*bản gốc*), các bị cáo không có yêu cầu nhận lại.( *kèm theo trong hồ sơ vụ án*).

\* Về án phí: Buộc bị cáo Thuận Văn T và Hoàng Văn Q phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có QLNVLQ vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận

-TAND Tỉnh Hà Giang

-VKSND TP H

- Công an TPH

-Thị trấn nhân HSTPH

-THADSTPH

-Bị cáo, bị hại; Người CQLNVQLQ;

-Lưu VP./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Sùng Thị Mai**

